

LIST OF LOUNGES AND SERVICE STANDARDS
DANH SÁCH PHÒNG KHÁCH VÀ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ

Updated: 28.04.2025

1. LIST OF LOUNGES/ DANH SÁCH PHÒNG KHÁCH:

No STT	Business Lounge Name <i>Tên Phòng khách</i>	Location <i>Vị trí</i>
Domestic Lounges / Nhóm Phòng khách Quốc nội		
1	SH Premium Lounge Ha Noi	Airside, Domestic Terminal, Noi Bai International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài</i>
2	SH Premium Lounge Phu Quoc 1 & SH Premium Lounge Phu Quoc 2	Airside, Domestic Terminal, Phu Quoc International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc</i>
3	SH Premium Lounge Con Dao	Airside, Con Dao Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Côn Đảo</i>
4	SH Premium Lounge Lien Khuong	Airside, Domestic Terminal, Lien Khuong Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Liên Khương</i>
5	SH Premium Lounge Can Tho	Airside, Domestic Terminal, Can Tho International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Cần Thơ</i>
6	SH Premium Lounge Phu Bai	Airside, Domestic Terminal, Phu Bai International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài</i>
7	SH Premium Lounge Cat Bi	Airside, Domestic Terminal, Cat Bi International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi</i>

8	SH Premium Lounge Phu Cat	Airside, Phu Cat Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Phù Cát</i>
9	SH Premium Lounge Vinh	Airside, Domestic Terminal, Vinh International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Vinh</i>
10	SH Premium Lounge Buon Ma Thuot	Airside, Buon Ma Thuot Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột</i>
11	SH Premium Lounge Pleiku	Airside, Pleiku Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Pleiku</i>
12	SH Premium Lounge Chu Lai	Airside, Chu Lai Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Chu Lai</i>
13	SH Premium Lounge Dong Hoi	Airside, Dong Hoi Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Đồng Hới</i>
14	SH Premium Lounge Tho Xuan	Airside, Tho Xuan Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Thọ Xuân</i>
15	SH Premium Lounge Tuy Hoa	Airside, Tuy Hoa Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Tuy Hoà</i>
16	SH Premium Lounge Ca Mau (*)	Airside, Ca Mau Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Cà Mau</i>
17	SH Premium Lounge Rach Gia (*)	Airside, Rach Gia Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Rạch Giá</i>
18	SH Premium Lounge Dien Bien	Airside, Dien Bien Airport <i>Khu cách ly, Cảng Hàng không Điện Biên</i>
19	Le Saigonnais Quốc nội	Airside, Domestic Terminal T1, Tan Son Nhat International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội T1, Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất</i>
20	SH Premium Lounge Tan Son Nhat	Airside, 4 th Floor Domestic Terminal T3, Tan Son Nhat International Airport <i>Khu cách ly, Tầng 4 ga Quốc nội T3, Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất</i>
21	SH Premium Lounge Cam Ranh	Airside, Domestic Terminal, Cam Ranh International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh</i>

22	SH Premium Lounge Da Nang	Airside, Domestic Terminal, Da Nang International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng</i>
23	Vân Đồn Business Lounge Quốc nội	Airside, Domestic Terminal, Van Don International Airport <i>Khu cách ly, ga Quốc nội, Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn</i>

The usage time at the Lounges (excluding SH Premium Lounge Da Nang) is a maximum of 3 hours before the initial departure time.

Thời gian sử dụng tại các Phòng khách (trừ phòng chờ Đà Nẵng) là tối đa 3 giờ trước giờ khởi hành ban đầu.

The usage time at SH Premium Lounge Da Nang is a maximum of 2 hours before the initial departure time.

Thời gian sử dụng tại Phòng khách Đà Nẵng là tối đa 2 giờ trước giờ khởi hành ban đầu.

(*) Lounge is not officially operational yet, Woori Bank will update when available.

Phòng khách chưa chính thức vận hành, Woori Bank sẽ cập nhật khi vận hành.

2. SERVICE STANDARDS/ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ:

No Stt	Service standards Tiêu chuẩn dịch vụ
1	Buffet menu (main dishes, desserts, fruits, snacks) <i>Thực đơn buffet (món chính, món tráng miệng, trái cây, món ăn vặt)</i>
2	Drinks (alcoholic, coffee, soft drinks, juice, tea) <i>Thức uống (có cồn, cà-phê, nước ngọt, nước trái cây, trà)</i>
3	Sofa seating area <i>Khu vực ngồi ghế sofa</i>
4	Business amenities (computer, wifi, printer) depending on conditions of each Lounge <i>Tiện ích doanh nghiệp (máy tính, wifi, máy in) tùy từng điều kiện của mỗi Phòng chờ</i>
5	Newspapers and magazines <i>Báo và tạp chí</i>

6	FIDs <i>Màn hình hiển thị các chuyến bay</i>
7	Entertainment cable television <i>Truyền hình cáp giải trí</i>
8	Air conditioner <i>Điều hòa nhiệt độ</i>